

CHƯƠNG NĂM

TẬP TỤC TRONG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ NHỮNG ĐIỀU HÒ, LỄ HỘI

Trong lao động sản xuất của người xứ Quảng xưa kia sống bằng nông nghiệp là chủ yếu, một năm hai hoặc ba mùa lúa, kèm theo vụ khoai sắn đi kèm. Xứ Quảng có khí hậu nắng nóng nhưng đêm lại se lạnh đến sáng. Suốt mùa hè, mặt trời bao giờ cũng nắng gay gắt, cả tháng không có một trận mưa. Sang thu, khí trời lại dễ chịu, gió nồm mang hơi nước thổi từ biển vào đất liền gây nên mát mẻ. Những cánh đồng lại bắt đầu rộ lên màu lúa chín vàng và sau đó chuẩn bị cho vụ lúa chính đông-xuân. Sau vụ xuân, mùa hạ lại đến mang theo nắng gay gắt, chói chang, sức phát triển đến điểm đỉnh. Những cơn mưa đông kèm theo sấm chớp rung rinh một góc trời không đủ làm cho cây cối dễ chịu hơn. Những thửa ruộng cao bắt đầu nứt nẻ, nước trở nên khan hiếm, một số nơi người dân xứ Quảng chuyển sang trồng mía, dâu...

1. Tục hạ điền

Hàng năm, trước khi xuống đồng cày cấy trên những cánh đồng đại điền, người dân xứ Quảng đều có tổ chức nghi lễ hạ điền. Tục hạ điền có nơi diễn ra sau lễ hội rước Thần Nông

như tại làng Phong Lệ¹ huyện Hoà Vang, có nơi diễn ra trước vụ chính đông – xuân. Tùy theo từng vùng cư trú mà có mỗi nơi *một cách hạ điền*. Quảng Nam xưa kia phát triển kinh tế thuần nông nghiệp nên việc chọn thời vụ thích hợp để tiến hành cấy cấy, gieo trồng là cần thiết. Có được một vụ mùa tốt, sản lượng cao người dân đất Quảng cũng còn nhắm vào các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Vì thế, trước khi tiến hành vụ mùa chính, ở Quảng Nam - Đà Nẵng có lệ xuống đồng. Vùng ngoại thành Đà Nẵng trước đây tục lệ này thường xuyên được tổ chức hằng năm, mãi đến khi tư tưởng "nông vi bản" không còn độc tôn nữa thì lệ tổ chức một lễ hạ điền cũng theo đó mà chấm dứt.



Cầu Rồng (VVH)

Nói, một cách hạ điền là để phân biệt các buổi lễ hạ điền ở vùng đất Quảng xưa vì mỗi nơi tổ chức mỗi khác. Có nơi chỉ lễ mà không hội, có nơi tổ chức cả lễ lẫn hội. Lấy ví dụ một cách hạ điền ở vùng Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ xưa để tìm hiểu lại một tục lệ của thời kỳ *nông vi bản*.

¹ **Phong Lệ:** Trước là một xã hiệu. Nay tên gọi chỉ tồn tại trong dân gian. Phong Lệ nay đã chia làm hai thôn Phong Nam (thuộc xã Hoà Châu ,huyện Hoà Vang); Phong Bắc (thuộc xã Hoà Thọ, huyện Hoà Vang. Tháng 8 năm 2005 thuộc quận Cẩm Lệ) thành phố Đà Nẵng.

Cứ vào ngày 1 tháng 10 âm lịch hằng năm (trừ những năm nhuận) các cụ ông, cụ bà và thanh niên trai tráng lực điền trong làng tập trung về miếu Thần nông (có làng là miếu Tam vị, Còn thần) để làm lễ hạ điền bắt đầu triển khai cho một vụ mùa mới. Mỗi gia đình kể cả quan chức trong làng phải chuẩn bị một con gà trống mập mạp làm sẵn thành phẩm, một bát xôi thơm (nếp được giã thật kỹ mà không xay). Vào từng sáng, theo hiệu lệnh bằng ba hồi trống, dân làng tập trung về Còn thần, nơi có lăng mộ Thần nông trên một vuông đất rộng chừng 1 sào để dâng lễ. Trong một lễ hạ điền vùng ngoại thành Đà Nẵng như đã nói trên không có văn tế và học trò gia lễ.

Lễ bắt đầu bằng việc người hội chủ đội mũ lễ sinh thay mặt dân trong làng đứng ra hành lễ, dân làng đứng quanh lăng mộ (hoặc miếu thần) để nghinh lễ. Chước tửu tuần thứ nhất đã qua, sắp đến tuần rượu nhì, bộ phận tư lễ cho đốt một phong pháo mừng thần giáng. Xong tuần rượu thứ nhì, ông hội chủ bước xuống ruộng gần nơi hành lễ cấy tượng trưng chừng 4 mét vuông ruộng với năm bó mộng (mạ) vừa tay, (năm bó mộng tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa thổ) sao cho sau khi cấy mộng còn thừa mới tốt. Diện tích cấy trong buổi hạ điền này được dân làng giao cho một người nào đấy quản lý, chăm sóc, đến khi gặt hái mang về cất giữ mãi đến cuối tháng 8 âm lịch, làng có lệ cúng cơm mới lại đem số lúa này xay giã mấu thành cơm dâng lễ cơm mới tại miếu Thần nông. Lễ này có các thành phần dân cư trong làng tham dự.

Sau lễ hạ điền tại miếu Thần nông, người dân trong làng tiến hành họp dân tại đình làng, bàn về việc làm ruộng, tiến hành vụ mùa, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội vui chơi

trước khi xuống đồng. Tại đình người ta còn bàn với nhau chuyện hành chánh của làng, chuyện đánh lộn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện chưởi bới nhau trong xóm, chuyện nhà cháy, chuyện kiện thưa, trộm cắp...Nhưng nổi lên vẫn là chuyện làm ăn nông tang cày cấy, dân làng lại bàn đến chuyện giống má, loại chịu úng, loại chịu hạn, loại giống cho năng suất cao...Tại đây người dân trao đổi giống lúa, khoai, sắn, bí, bầu cho nhau, ai có loại giống tốt, năng suất cao được nhiều người thăm dò trao đổi. Họ thoả thuận nhau một cách bằng lòng, vừa ý. Đây được xem như một hợp đồng bằng miệng không có công chứng, thế nhưng trong nhân dân luôn giữ được lời hứa, sao cho đến sau ngày 23 tháng 10 âm lịch tất cả đã được trao đổi như hợp đồng để có cây, con giống bắt đầu một vụ mùa mới.

Hội vui chơi còn kéo dài suốt cả đêm, thông thường các hình thức như hát hò khoan đối đáp, thi đấu võ trong thanh niên nam nữ, đấu vật trong giới lão ông, đẩy cây, kéo co... đến sáng mới giải tán.

Sau lễ hạ điền, người nông dân vùng ngoại thành Đà Nẵng: Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ, Miếu Bông... bắt đầu vào một vụ mùa mới với hy vọng sẽ được Thần nông giúp đỡ cho một vụ thu hoạch khoai lúa đầy nhà.

Trong hai tháng sau hạ điền, người dân trên khắp cả xứ phải tranh thủ thời vụ, cày, gieo kín cả cánh đồng không một đám ruộng nào được bỏ không, nếu bỏ trống, chủ ruộng sẽ bị làng bắt phạt. Vì thế những ngày mùa là rất bận rộn, vắn công,

đôi công diễn ra tuy như bình thường song rất khẩn trương từ trong nhà ra xóm đến làng.

Xong vụ, đến tháng Chạp, các làng lại tiến hành lễ thượng điền, sau lễ thượng điền, làng cắt cử người kiểm tra không một thửa ruộng nào là không được cấy.

2. Những việc kiêng:

- Để tiến hành cày cấy trên những thửa ruộng của mình được nhanh, thuận lợi, được mùa, người nông dân trên đường mang giống má, mọng mạ ra đồng không ghé vào nhà người khác. Không làm như vậy được cho là không giữ lễ thói cho gia đình hàng xóm. Thêm, những ngày như mông một, ngày rằm mà nhất là lúc chạng vạng tối mỗi ngày không đong lúa cho người hàng xóm mượn vì cho rằng trong năm công việc mùa màng của mình không thuận lợi. Còn ngâm giống chuẩn bị bắt mọng lại không chọn ngày tý và không đong lúa cho người khác mượn vào thời điểm đang ngâm giống. Ngâm phải đủ ba ngày để hết cữ thì giống mới nảy mầm. Những thói quen xã hội như vậy đã có từ rất lâu lại không có căn cứ thực tiễn thì nay đã không còn duy trì nữa, và rất ít người còn để mắt đến, nhất là thế hệ trẻ.

- Khi đong gạo cho hàng xóm mượn, lúc đong gạo người ta khoả ngọn vào chủ nhà mà không khoả ra phía khách, e rằng làm ăn không nên nổi, thu hoạch mùa màng thất bát.

- Sau một vụ mùa, người nông dân xứ Quảng thường phơi rơm thật khô để dành dùng làm chất đốt nấu cơm hoặc cho trâu bò ăn trong mùa mưa lụt. Muốn để dành sử dụng được

lâu, phải chặt thành còi. Để có một bộ sườn đứng vững, người ta dùng ba hoặc bốn cây tre chôn xuống đất chụm đầu lại, cột chặt, sau đấy chặt rơm khô vào, càng lúc càng cao lên. Người Quảng gọi là *cây rơm*. Còi thành cây rơm phải chọn vị trí sao cho bóng cây rơm không ngã vào nhà thì mới yên được; đồng thời trong ngày còi rơm không đong lúa ra khỏi bồ bịch², không cho người ngoài mượn gạo, lúa.

- Đối với gia cầm, gia súc nhất là gà không nên cho ấp trứng hai năm, không xuống gà mới nở lúc nước thủy triều lên. Nuôi heo không bỏ heo vào chuồng lúc nước ròng e nuôi lâu lớn và cũ bỏ vào chuồng ngày Hợi, ngày phá quân (đàn) ngại rằng nuôi heo sinh bệnh.

Những kiêng cử như vậy trong sinh hoạt nông nghiệp của người dân xứ Quảng nay không còn, thành tựu khoa học công nghệ về chăn nuôi đã đẩy lùi những quan niệm cũ ra ngoài thói quen thường ngày của người nông dân xứ Quảng. Ngày nay, ngành chăn nuôi đã được cơ sở thú y xã phường bảo vệ, người dân đã thực hiện việc chủng ngừa và trị bệnh cho đàn gia súc, gia cầm khi cần thiết.

3. Những điệu hò đi theo cùng lao động:

² **Bồ**: là dụng cụ đan lồng tư, bằng nan tre bản rộng dày vừa phải, hình tròn như một cái thùng có 4 chân, miệng bồ chụm lại một ít. Trên bồ đập lại bằng cái trệt. Bồ dùng đựng sản phẩm nông nghiệp như lúa, khoai khô, sắn khô, đậu mè, thuốc bông... có khi đựng cả áo quần nữa. **Bịch**: như bồ nhưng lớn hơn, có thể đựng 50 ang lúa. Nan tre dày hơn, nhiều nan cật. Bịch trông có vẻ cứng cáp hơn bồ, chủ yếu đựng sản phẩm nông nghiệp. Trên bịch đập một cái nĩa. Vùng nông thôn xứ Quảng nay, dụng cụ này vẫn còn.

Trong phát triển kinh tế, nông nghiệp là cơ bản, xưa kia dân số ít nên việc vãn công, đổi công trong xóm, làng thường xuyên diễn ra khá sôi nổi, người ta thường giúp nhau qua lại những lúc vụ mùa khẩn thiết. Chính đó là thời điểm các thanh niên trai tráng trong làng có dịp tụ tập lại, từ đây làm nảy sinh những lần sinh hoạt diễn xướng ngay trên đồng ruộng quê mình, những điệu hò trong lao động từ đó mà có. Tùy theo từng vùng và ngành nghề mà có những điệu hò tương xứng. Xứ Quảng có thể nhìn thấy hai dòng: *hò trên cạn* và *hò trên sông nước*.

3.1. Những điệu hò trên cạn:

Khi người nông dân lên núi đốn củi, lúc trèo lên những ngọn đồi, sườn núi, đường dốc, để đỡ mệt nhọc, họ lại cất tiếng hò lên cho tinh thần thêm phần khởi. Ví dụ:

*-Hò ơ khoan. Khoan hò khoan
Trèo lên (khoan hò khoan) dốc ngược (khoan hò khoan)
nhọc nhằn (khoan hò khoan).
Mưa tuôn (khoan hò khoan) nắng cháy (khoan hò khoan)
vững bền (khoan hò khoan) vượt lên (khoan hò khoan là hó)
Chỉ vững bền cùng nhau vượt dốc
Anh em mình ra sức vượt qua (là dô hò)*

Hoặc là người Quảng lợi dụng sức kéo của trâu, bò để đưa gỗ từ núi về làm nhà. Một nhóm người lên núi chặt cây về cưa xẻ làm kèo-cột-xuyên-trính-đòn tay-rui-mè... Và thế là điệu hò trâu kéo gỗ đã xuất hiện, nhóm người đi theo sau cứ thế hò với nhau, như có sự đồng cảm giữa người với trâu trong

quá trình lao động. Họ đã nhân hoá con vật nuôi của mình lên, thương yêu, dỗ dành qua những lời ca ngọt ngào. Khi trâu, bò lên dốc, người theo sau cố sức cùng đẩy làm nhẹ bớt cho trâu, lời hò phụ vào làm cho trâu, bò cố sức kéo gỗ lên dốc. Rồi lại động viên, vỗ đít trâu: “*Lô lô chăm lô...lên bằng mà nghỉ con hè*”³.

*-Con ghé xe
Mình chăm ngược cho gắt
Bắt ngược cho hay
Lên bằng mà nghỉ con hè?*

*-Em là con gái Thanh Lương
Thấy anh gánh lúa vừa thương vừa mừng
Mồ hôi ướt cả trán lưng
Hỏi anh có mệt, gánh giùm cho anh
Mời anh bát nước chè xanh
Ta thi nhau gánh cho nhanh bạn cùng.*

*-Ngày đêm vát vả
Vát vả đêm ngày
Chung tay giã đậu
Giã cho tróc vỏ
Ép cho nhiều dầu
Nhịp nhàng đêm thâu*

*-Ngó lên lửa cháy núi lan
Bạn ơi khoan đã, lửa tàn hãy hay.*

³ Xem **Những điệu hò xứ Quảng**- Trần Hồng- Nxb Đà Nẵng 2004.Tr 99.

*-Bấp non mà nướng hoá lò
Đố ai ve đặng con đò Thanh Khê.*

Khi vắn công, đổi công trên những cánh đồng quê nhà: tát nước, cấy cà, hái dâu, nhổ sắn...ta lại gặp tiếng hò. Những điệu hò như thế đã gắn chặt vào một vòng đời con người xứ Quảng không thể nào tránh khỏi, dù có sinh sống bằng nghề gì thì trong mỗi ngành nghề đều có những điệu hò thấm đượm ân tình ra đi từ trong lao động sản xuất.

*-Tháng ngày tát nước, đào mương
Lúa khô, mạ cháy càng thương ruộng đồng.*

*-Khiêng xe cho nước lên đồng
Bà con đủ ấm Thần Nông vui mừng.*

3.2. Hò khoan đối đáp:

Cùng với hành trang của người xứ Quảng trên con đường Nam tiến, họ “*gánh theo tên làng tên đất*” đi theo cùng với bước chân từ những ngày đầu mở đất. Những điệu hò của quê cha đất tổ là nguồn động viên họ trước những khó khăn thử thách. Vào đến xứ sở lạ lùng, *con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng phải kinh*, hò khoan đối đáp xuất hiện và tìm được môi trường diễn xướng, phổ biến và rất được ưa thích ở xứ Quảng.

*Ở nhà nghe tiếng hò khoan
Trốn cha trốn mẹ băng ngàn tới đây
Hữu duyên gặp bạn chón này
Hỏi bạn còn thương như cũ
hay đã khuây ghĩa người?*

Không một người dân Quảng nào mà không thuộc vài ba câu hát hò khoan xứ sở. Xem thế, hát hò khoan đối đáp ở xứ Quảng đã gắn chặt theo một vòng đời con người như thế nào! Xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, hò khoan được nhân dân vận dụng và phát triển tùy theo mỗi vùng cư trú, nhưng thế nào đi nữa, hò khoan vẫn gắn liền với làng quê, thôn xóm, ruộng đồng. Từ miền núi đến đồng bằng ra hải đảo, đâu cũng có hò khoan, những đêm diễn xướng cũng thường tập trung trên sân một nhà bạm hát nào đó, hoặc dưới luỹ tre làng, hoặc trên một ghe bầu neo đậu bên sông... vào những đêm trăng. Để được hát hò khoan đối đáp, đôi khi các bạn hát vượt sang làng khác để hát tìm vui, kết tình nam nữ... Đối tượng để hát thường là những công việc lao động hằng ngày như giã gạo, giã vôi, leo dốc, chèo thuyền, kéo lưới... đôi khi không có công việc trong những ngày nông nhàn, người dân tập trung lại giã trấu mà hát với nhau.

Một đêm hát hò khoan đối đáp huê tình thường có ba chặng:

-Hát chào:

Hát chào thường diễn ra khi các bạn hát tập trung tại địa điểm diễn xướng và họ chào nhau, đôi khi giới thiệu tên họ, tuổi tác cho nhau nữa. Lời hát phong phú và dụng công rất công phu. Có thể là nam hát trước, nữ sau nhưng cũng có khi ai đến sau phải hát chào theo thói quen “tiên khách hậu chủ”.

*Vô đây bớ bạn vô đây
Trầu cau một hộp đem xây trên bàn
Tội chi đứng sá ngòi đàng*

Sương sa luy nhỏ cảm thương hàn ai nuôi.

Nữ:

*Tới đây tui mở lời chào
Chào Nam chào Bắc chưa biết chào ai
Chào người ngang vé, chào kẻ ngang vai
Ai có ân thâm nghĩa trọng lắng tai nghe chào*

*Nam: -Anh chào bên nam thì mắc lòng bên nữ
Anh chào quân tử thì bỏ bạn thuyền duyên
Cho anh chào chung một tiếng kẻ chào
riêng khó chào.*

*Nữ: - Ở nhà bôn bực ra đi
Áo chưa kịp bận, nút chưa kịp gài
Tới đây chẳng biết chào ai
Lớn hơn cũng bộn, ngang vai cũng nhiều
Mở lời chào gió, chào trăng
Chào hòn núi Chúa, chào băng qua Sơn Chà.*

*Nam:- Ở nhà nghe tiếng bạn hò
Áo chưa kịp bận, còn mang xùng xình
Tới đây vốn có một mình
Ai vui tui vui với, ai kinh tui cũng kinh chơi.*

Bạn hát tập trung đã đông, tự chọn nhóm đề vào cuộc chơi đối đáp. Sau chặng hát chào, đêm hát chuyển sang chặng thứ hai. Đây là chặng gay cần nhất, bởi chỉ toàn là những ứng tác, kiến tại tại chỗ nên việc đối đáp là hết sức khó khăn, phải vận dụng tài trí vào cuộc hát hò thì mới có thể duy trì được lâu. Ở

chỗ cuộc hát có hát đố, hát đôi, nhân ngãi, cách cú... Thường bên nữ xướng trước, bên nam họa theo.

-Chặng vào cuộc:

Chặng này có thể chia ra nhiều nội dung khác nhau tùy theo hứng thú từng bữa hát. Không nhất thiết bữa nào tập trung lại hát cũng đố nhau, cũng xạo, cũng nhân nghĩa huê tình mãi, mà còn tùy không khí cuộc vui đôi đáp mà sa đà theo với bạn hát. Tuy nhiên, chừng nhai dập vài ba miếng trầu, uống cạn bát nước chè xanh, vậy là cuộc hát đã khuya lắm, sương thấm trên vai, trăng xế trên đầu rồi còn gì!

Hát đố:

Nữ: - *Tiếng đồn các cậu hò hay
Tui đố các cậu cối xay mấy niềng?*

Nam:-*Cối xay mười sáu cái niềng
Tui đố em bậu thuyền duyên mấy chèo?*

Nữ: - *Thuyền duyên mười sáu mái chèo
Tui đố các cậu con mèo mấy lông?*

Nam:- *Bạn đố chi mà đố ngặt, đố nghèo
Đố chi không đố, đố con mèo mấy lông
Ai về tát cạn biển Đông
Thì tui đếm hết mấy cái lông con mèo.*

Nữ: - *Gặp anh hai khiến hỏi anh hai
Câu chi đi mười hai tháng phân cùng thiếp nghe?*

Nam:- *Kim Liên, Thủy Tú, Vĩnh Điện cho chí Câu Lâu
Quảng Nam ta có mấy cây cầu dài thay
Ra đi chưa trọn một ngày
Lẽ mô có lẽ đi rày một năm
Bạn hỏi ta nghĩ lại cũng nhằm*

*Cầu chi đi mười hai tháng,
có cầu Giáp Năm tê bạn tê!*⁴

*Nữ: -Tiếng chàng học hết ngũ kinh⁵
Đến đây em hỏi Lưu Bình con ai?*

*Nam:- Thiếp hỏi chàng, chàng phải nói ra
Lưu Bình con ông lưu hũ ở Thanh Hà mới gánh lên.*

Sau một vòng hát đố thử tài, cuộc vui có thể chuyển sang:
Hát đối.

*Nam:- Con vịt nó kêu cặp cặp
Nó kêu không hỏi không chấp
Nó kêu khắp cả dòng sông
Nó kêu đào hoa giang thượng tương ánh hồng⁶
Nguyện làm sao đó vợ đây chồng
Đành rằng nước chảy bèo trôi
Tuy rằng kêu cặp, chớ chừ mồ côi có một mình.*

*Nữ: - Con gà nó kêu chiếc chiếc
Nó kêu như tha như thiết
Nó kêu riết cả năm canh
Nó kêu giang đầu lũy thủy bất vị thanh⁷
Trời kia sao khéo để duyên lành nhỡn nhơ
May mô ngộ gặp tình cờ*

⁴ **Cầu Giáp Năm:** Một năm mười hai tháng, quay một vòng gọi là giáp năm. Ở Điện An, Điện Bàn có địa danh Ngũ Giáp. Nghệ nhân dân gian vận dụng biện pháp chơi chữ trong tiếng Việt khi hát đối đáp nhau.

⁵ **Ngũ kinh:** Gồm Kinh Thi, Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Lễ Nhạc còn lại ở Lễ Ký, Kinh Xuân Thu. Ngũ kinh cùng với Tứ thư là bộ sách Giáo khoa cho các vị Nho học thời trước.

⁶ **Đào hoa giang thượng tương ánh hồng:** hoa đào trên sông phản chiếu ánh hồng.

⁷ **Luỹ (thủy):** một loại dây leo sống ở nước. Nó kêu đầu sông (mà) loài dây lũy không nghe được tiếng kêu (âm thanh).

Tuy rằng kêu chiếc bầy chừ thành đôi.

Cuộc vui có thể chuyển sang nội dung mới khó hơn, những thanh niên nam nữ không theo kịp chỉ ngồi nghe các bạn đối đáp nhau:



Thổi kèn (VVH)

Hát xạo:

Nam:- Giương cung bắn xỉ con cò⁸

Thường ngày thường tới thường mò cá tôm

Nữ: - Hũu nhữn vô châu thầy thấy đâu thầy bắn

⁸ Nghệ nhân vận dụng phương thức láy trong Tiếng Việt.

*Ra tận chiến trường trắng trợn mắt mây?
Nam:- Hữu nhữn vô châu thầy cũng thấy lò mò
Thầy bắn không trúng, thầy rờ thầy đâm!*

*Nam:- Con kia mi đừng nói lừng khừng
Xung điên bắt rắn bỏ quân mi phải khai*

*Nữ: - Bụng đàn bà dạ con gái
Thấy rắn phải la làng
Rắn không phải rắn nó vàng vàng như chú lươn.⁹*

Thực tế hát xạo không diễn ra được lâu trong buổi huê tình, bởi bạn hát ít tham gia vì có tính cá nhân. Thời gian dành cho hát xạo chừng nhai dập bả trầu là đã chuyển sang lời lẽ và giai điệu trữ tình của cuộc vui:

Hát nhân ngãi.

*Nam:- Trầu vàng nhỏ lá, rau giáp cá nhai giòn
Khéo khen phụ mẫu sanh em mặt tròn dễ thương.*

*Nữ: - Ở nhà mới bước tới đây
Xem trăng chưa tỏ, xem mây chưa tường
Buông lời thiếp hỏi người đưng
Ta không xao lãng, biểu bạn đừng có lãng xao.*

*Nam:- Sông biển cạn(chớ) lời nguyên không cạn
Núi lở non mòn, nghĩa bạn không quên
Đường mòn sớm xuống chiều lên
Dặn ai ai nhớ, đừng quên nghĩa tình*

*Nữ: - Thương nhau bụi cỏ cũng ngời
Đám tranh cũng lợi, vườn đôi cũng băng*

⁹ Chàng trai tên Lương hát với cô gái tên Khai.

*Nguyện cùng dưới nước trên trăng
Một trăm chón mới không bằng tình xưa.*

*Nam:- Tay bưng đĩa muối chấm gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau
Lời nguyện trên Bộc trong dẫu¹⁰
Ai mà ở bạc, trên cao có trời*

*Nữ: - Thân em như hạt cau khô
Người thanh chuộng mỏng, kẻ thô chề dày
Hỡi người ơn trượng ngài dày
Nắng ba năm không lọt, mưa ngàn ngày
đừng phai.*

Cuộc vui ở vào giai đoạn giữa cuộc, sâu lắng trữ tình nhất, lời hát mềm mại thiết tha được trao gởi và hứa hẹn cho nhau. Có thể có đôi nam nữ tâm đầu ý hợp, họ tách riêng ra, tìm đến một cách giao duyên khác, chẳng hạn hát giao duyên qua ống. Ở hình thức này tâm tình tự sự được bộc bạch chân thành, quyết liệt hơn.

Cuộc vui lại được tiếp tục:

*Nữ: - Ở nhà buồn bực lắm thay
Ra đi mua quạt đặng ngày gió xuân
Chón đông người mắc cỡ lắm người dưng
Thương không ai biết ghét đừng ai hay
Miệng thế gian nhiều kẻ thày lay
Cực chàng chín rươi, khổ thiếp đây mười phần*

¹⁰ **Trên Bộc trong dẫu:** trong nương dẫu bên bờ sông Bộc (xưa, bên Tàu). Tiếng nhạc trong bãi dẫu bên bờ sông Bộc là tiếng nhạc làm mát nước. Đất nước Vệ có bãi dẫu trên bờ sông Bộc, trai gái tụ tập, đàn hát, gởi chuyện dâm ô nên gọi là tiếng nhạc mát nước. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có: *Ra tuồng trên Bộc nương dẫu. Thì con người ấy ai cầu làm chi.*

*Miệng thế gian bén tựa gương thân
Thương nhau thì để bụng,
đừng ngồi gần họ nghi*

*Nam:- Gió đưa sột soạt mái tranh
Chim quyen uốn lượn trên hành thiên hương¹¹
Duyên tình qua mây mặt lại thương
Xa nhau một lúc nghĩa can thường đón đau
Dẫu đói nghèo ăn một miếng rau
Đàng lên, ngõ xuống, mình thấy nhau cũng
thoả lòng.*

Đêm đã khuya, cuộc nhân ngã chuyển sang đoạn kết thúc, xa cách, nhớ nhung.

-Chặng già bạn:

Ở chặng này, những lưu luyến được tỏ bày. Lúc này đêm đã khuya, trăng xế trên đầu. Họ chuẩn bị chia tay:

*Nam:- Bạn ra về lòng ta khô ta héo
Bạn ra về không lẽ ta réo ta kêu
Nghiêng tai giữa gió ta bảo nhỏ đôi điều
Ai xa mặc họ hai đứa mình nghèo đừng xa.*

*Nữ: - Hai đứa mình nghĩa nặng tình thâm
Nắng buồn lá liễu, mưa dầm đọt lê
Thôi thôi đó ở, đây về
Đừng rưng rưng nước mắt ngọc mà ử ê gan vàng.*

Nữ: - Ngó lên trên trời trời cao lồng lộng

¹¹ **Thiên hương:** không có thật, thiên hương là hương của trời, hoa của đất. Tỉ dụ người rất đẹp. Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du có: *Kiếp hồng nhan có mong manh, Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.*

*Ngó xuống dưới biển, biển rộng chơi vui
Rạng ngày mai mỗi đũa một nơi
Bưng chén cơm lên để xuống,
Không vui hạt nào.*

*Nam:- Đường đi lên thanh thanh dịu dịu
Đường đi xuống lú rú hạt châu
Bạn với ta thương nhớ đã lâu
Ai bày mưu cho bạn, bạn dứt câu ân tình.*

Cuộc hát hò khoan đối đáp nhau bắt đầu chia tay, họ hẹn nhau vào một lần trăng khác:

*Nữ: - Chàng về trên nớ, thiếp ở lại dưới ni
Loan xa phụng cách, khổ làm ri bó trời.
(Khoan hổ hời là hò khoan)*

*Nam:- Á ơi... Bao giờ cho liễu xa đình
Hạc kia xa hương án, hai đũa mình mới xa.
(Khoan hổ hời là hò khoan)*

*Nữ:- Trăng lên vắng vặc đứng đầu
Đồng hồ tí tách, trống trên lầu điểm ba¹²
Tai nghe giọng dế, tiếng gà
Đêm dài ngày ngắn xót xa mối tình
Tay anh bưng chén rượu ngọc quỳnh
Chân quỳ tay rót nép mình tạ đũa
Tạ người tình cũ nghĩa xưa
Trọn niềm trăng gió, đón đũa hẹn hò
Một sông, một bến, một đò
Hợp tan, tan hợp, phú cho đất trời.*

¹² **Điểm ba:** trống điểm canh ba.

*Nam:- Lui gót ngọc, châu rơi lã chã
Đưa tình nhân buồn bã ra về
Sầu un un lệ ứa đê mê
Nguyệt ơi bỏ nguyệt tứ bề sáng soi
Trăng ơi! Khoan lặn non Đoài¹³
Để ta đưa người ngọc một hai chặng đường
Người thương ơi hỡi người thương
Dầu cho xa cách ta đừng quên nhau
Rung rung tay nắm chặt tay
Thủy chung ta giữ vẹn, có ngày gặp nhau.¹⁴*

3.3. Những điệu hò theo ngành nghề khác:

Xã hội ngày càng phát triển, ngoài *nông vi bản*, một số ngành nghề thủ công truyền thống có phát triển, theo đó một lượng dân đình, dân tráng trong làng bỏ ruộng theo nghề, cũng có người chọn nghề phụ sinh sống, có người chỉ lao động nghề phụ theo thời vụ nông nhàn. Tuy thế trong quá trình lao động vẫn có những điệu hò phản ánh các mối quan hệ của người dân Quảng Nam-Đà Nẵng. Thời hiện đại, những điệu hò vẫn được sử dụng trong quá trình phát triển. Chẳng hạn, sau đây là điệu hò giữa anh công nhân và cô nuôi dạy trẻ:

*Nam: -Khách hàng như cánh bướm bay sớm chiều
Mua bao nhiêu bán bấy nhiêu
Ra vô còn có đồng tiêu, đồng xài*

¹³ Non Đoài: cung Đoài, về phương hướng chỉ phía tây. Trời tây.

¹⁴ Xem Hò khoan Quảng Nam-Đình Thị Hựu-T/c Nguồn sáng dân gian. Số 3/2002. Tr 23. Những điệu hò xứ Quảng - Trần Hồng - Nxb Đà Nẵng 2004. Tr 24.

*Ai biết mình, mình chẳng biết ai
Loại hàng không có cánh (khó ai, khó ai)
biết mình
Hết giờ xách cái túi xinh xinh
Từ cửa hàng lê bước với người tình
(người tình) khoẻ ru.
Khỏi mắt công bận bịu chẫu xô
Cái nghề thương nghiệp có cơ (có cơ) phát tài.*

Nữ: - *Nói rằng sao thấy lạ tai, bực mình
Nghề nào phục vụ nhân dân
Cũng đều gian khổ góp phần kém chi
Thương nghiệp là nghề làm giàu
(làm giàu) cho nước
(làm giàu) cho dân.¹⁵*

Hoặc như:

*Tưởng giếng sâu em nối sợi tơ dài
Tưởng giếng sâu em nối sợi tơ dài
Ai ngờ (cái) giếng cạn,
em tiếc hoài (tiếc hoài) sợi dây
Con thoi đang đưa, có hay
Hay chẳng đường tơ đang đứt
Khung cử đang dệt có hay rằng
Đứt một đường tơ
Bấy lâu từng trải nắng mưa
Bây giờ chừ mới cạn sâu
(cạn sâu) tỏ tường*

¹⁵ Bài do Phan Ngạn đặt lời cho ca cảnh *Chiều thứ 7*.

*Em trách ai uống nước Thu Bồn
Mà nữ đâu quên hết cội nguồn¹⁶*

3.4. Những điệu hò sông nước:

Từ vùng quê ruộng đồng quanh năm 2 mùa lúa chín, ta đã gặp những điệu hò nảy sinh từ lao động trên cạn. Nay, đến với dòng sông, con đò, xuống biển gặp những chiếc ghe bầu lênh đênh trên sóng nước. Bờ biển Quảng Nam-Đà Nẵng dài 150 km từ cửa sông Hàn vào đến cửa An Hoà, biển rập rình qua Cửa Lỡ, Cửa Đại, các vùng sinh thái với nhiều vịnh, vũng nhỏ: Liên Chiểu, Nam Ô, Tiên Sa, Vũng Thùng. Mặt khác, xứ Quảng còn có các con sông lớn, nhỏ như Thu Bồn, Vu Gia, Trường Giang, Cu Đê, Cẩm Lệ, sông Hàn, sông Tiên, sông Tranh, Tam Kỳ, Bến Ván, An Tân, Ly Ly...tất cả đổ dồn ra biển. Tại các cửa sông là nơi người Quảng họp lại đông thành chợ - chợ trên sông - thuyền ghe ra vào tấp nập ngày đêm. Trong điều kiện lao động trên sông nước đó đã cho ra đời những câu hò theo nhịp điệu thuyền chài còn để lại đến ngày nay. Ở đây ta bắt gặp tình cảm của con người sinh sống trên đầu sóng ngọn gió, trên sông biển. Trên sông, có các câu hò gắn vào đời người ngư phủ trên những chuyến đò ngang, đò dọc:

*-Cây đa cũ bến đò xưa
Đâu không duyên nợ cũng đón đưa một đôi lời.*

*-Ngó lại... quê mình (chớ) bởi em chèo thuyền
Em chèo thuyền qua sông Cái*

¹⁶ Bài do NS Ngọc Kỳ viết lời cho vai diễn *Cô thợ dệt yêu anh thợ máy*.

*Em ngó lại quê mình
Chim trên cành còn đủ cặp
Huống chi mình lẻ đôi
(Bởi) vì đâu mà đây với đó (đà) hai nơi
Chiếc đò ngang bằng chiếc đũa
Không một lời nhắn đưa
 Cây đa bến cũ đò xưa
 Người thương có nghĩa
 (Thì) nắng mưa ta vẫn chờ.*



*Sông tôi chẳng có bóng thuyền
Mong gì hứng gió những miền biển khơi*

Sau nhịp điệu mềm mại, thướt tha thông thả, sau sự dịu dàng của cô lái đò chèo thuyền lại có điệu hò trên những chuyến đò ngang. Không vội vàng lắm nhưng để vượt qua được giòng sông, động tác chèo nhanh hơn, rắn chắc hơn, thế nhưng trong giai điệu vẫn còn đọng lại chất nhẹ nhàng trên dòng sông phẳng lặng. Và, lúc ấy những người làm ăn sinh sống bằng nghề sông biển *bước xuống sông nghe giọng chèo đua.*



Chiếc đồ ngang bằng chiếc đũa không một lời nhắn đưa (Ảnh: TL)

Khoan bớ hò khoan (này)
 Hò là hời hò khoan
 Quê em chẳng có thuyền (bóng thuyền)
 Mong gì (là gì) hứng gió
 những miền (khơi) biển khơi ¹⁷
 Tủi lòng em lắm người ơi
 Đùng ham (là ham) sông lớn
 Quên nơi (là nơi) xóm chài
 Hố khoan.

¹⁷ Ý thơ của Lưu Trùng Dương.

Ai đã ở và sinh sống trên sông biển mà chưa một lần bước xuống ghe mảnh. *Dời chun bước xuống ghe buôn. Sóng bao nhiêu dọn dạ buồn bấy nhiêu!* Điệu hò trên sông, lúc thúc giục, vội vã, lúc lại khoan thai, nhưng ra cửa bể lại phải “*ăn gió nói sóng*”, “*ăn to nói lớn*” mới có thể vượt được biển rộng mênh mông, ra khơi đi lộng được. Tay chèo do đó mạnh hơn, thúc giục hơn, gấp gáp hơn. Tất cả lại thể hiện những khi người dân vùng sông biển tổ chức đua thuyền.

*-Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi,*

*-Sông cạn lời nguyên không cạn
Núi lở non mòn, nghĩa bạn không quên
Đường mòn sớm xuống chiều lên
Dặn ai, ai nhớ đừng quên nghĩa tình.*

*-Gió nam thổi xuống lò vôi
Ai đồn với bạn ta có đôi bạn buồn
Dời chun bước xuống ghe buôn
Sóng bao nhiêu dọn, dạ em buồn bấy nhiêu
Ngồi dựa cột buồm gió thổi hiu hiu
Nước mắt ra ta chặm
 *bốn múi dây lưng điều không khô*¹⁸
Nghĩ mối tình thảm thiết chừng mô
Chim trên non cũng ngóng,
 *cá dưới hồ cũng trông.**

-Anh chèo theo em, chèo bên chèo bả

¹⁸ Xưa, con gái xứ Quảng thắt lưng bằng dải lụa màu hoa lý (xanh lục nhẹ) buông 2 mối. Con trai thắt lưng màu (hồng) điều, buông 4 mối.

*Anh chèo theo em, dứt nhả quai chèo
Khuyên em bớt lái, giảm lèo đợi anh.*

*-Mưa tuôn gió tạt mặt lòng
Anh em ta đoàn kết, gió giông ta không sòn.*

Có thể nói rằng, trên dòng sông, trên các bến đò, các dân chài còn thể hiện tình yêu nam nữ trữ tình thông qua lao động nghề nghiệp mang theo một chút nôn nao, một chút buồn vui lẫn lộn. Một làn điệu hò trên sông chờ đợi nhau lại xuất hiện.

*Bớ đò...
Tôi kêu đò sao không thấy con đò đưa
Càng chờ càng đợi càng trưa hỡi đò!
Người ta bảo
Đi hay không bằng may đò
Mà sao tôi cứ bị rủi ro
Tôi tới bến đò không thấy con đò đưa
Ngày đêm tôi đâu quản nắng mưa
Băng rừng vượt suối kịp giờ ra quân
Tưởng là thoả nỗi ước mong
Người đã đến bến mà sông (mà sông) không đò
Bớ đò...¹⁹*

¹⁹ Nhạc sỹ Phan Ngạn đặt lời cho ca cảnh *Đường ra phía trước*.



*Dời chun bước xuống ghe buôn
Sóng bao nhiêu dợn dợn em buồn bấy nhiêu
Dựa cột buồm gió thổi hiu hiu
Nước mắt ra chàng chạm bốn múi dây lưng điều không khô.*



Ghe bầu Quảng Nam (Ảnh: TL)

4. Một số lễ hội theo một vòng đời:

4.1. Nhứt Phong Lệ mục đồng nhì Giáng Đông đầu vật:

Nông nghiệp vẫn là nền sản xuất chính, chủ yếu của nhân dân xứ Quảng, do vậy người Quảng đã gắn bó với ruộng đồng, nông tang cày cấy là yếu tố quyết định tồn tại của mình. Trong quá trình phát triển làng xã có hệ thống, quy cũ, người xứ Quảng đã tỏ rõ bản lĩnh riêng của mình phản ánh trong phong tục, tập quán mới được hình thành từ khi đặt bước chân đầu

tiên lên vùng đất mới. Chính những phong tục mới là đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của dân tộc, góp phần làm nên cái chung phong phú đậm màu sắc dân tộc.

Chính thế, ngày nay khi ngang qua vùng đất Quảng, đến làng Phong Lệ thuộc xã Hòa Châu, nếu lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng đến hôm nay âm hưởng thiết tha và có lẽ cả những ngày sau nữa. "Nhứt Phong Lệ mục đồng nhì Giáng Đông đầu vật" là một tập tục lâu đời tồn tại trong nhân dân ở đây và đã trở thành niềm tự hào của họ, một niềm tự hào chính đáng.

-Thường cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức hát Mục đồng một lần, những năm không hát Mục đồng thì rước Thần nông. Lễ rước Thần nông bắt đầu tiến hành từ mộ thần về đình thờ Thần nông. Tương truyền rằng ngày xưa có một cụ già tóc bạc, râu dài như tiên, không biết cụ già từ đâu đến ở tại làng. Cụ đặc biệt gần gũi và yêu mến trẻ em chăn trâu và cụ cũng thường được trẻ em chăn trâu săn sóc nâng niu kính trọng như người thân thích. Lại nữa, kính trọng cụ vì cụ nói những điều linh nghiệm.

Về sau ông cụ chết tại một gò đất mà sau đó trẻ em chăn trâu gọi là cồn thần. Trẻ chăn trâu mai táng cụ, đắp cho cụ một nấm mộ. Mặc dầu cụ mất nhưng hằng ngày trẻ em chăn trâu thường đến gò chăm sóc mộ cụ, tỏ lòng thương tiếc cụ. Trẻ em chăn trâu nào có trâu đi lạc đến mộ nhờ cụ, khẩn vái cụ vài lần, sau đó trâu sẽ trở về, khỏi phải đi tìm. Từ đó trở đi, trẻ em chăn trâu tin vào những linh nghiệm của cụ, tiếng đồn gần xa

lan truyền đến người lớn - nhân dân - và sau đây là mở hội rước Thần nông về làng Phong Lệ²⁰.

Theo năm tháng, gò có mộ Thần nông trẻ em chăn trâu gọi là Cồn Thần²¹, địa danh này hiện còn ở Xóm Đồng (Phong Nam, Hòa Châu, Hòa Vang). Quá trình xuất hiện Thần Nông còn được kể rằng, ngày xưa có vị Thần Nông giáng xuống gò, tay cầm cờ, thường hay dạo chơi thân mật với trẻ em chăn trâu khắp đồng. Dân làng truyền nhau gò rất thiêng, ai qua đây nếu quở, về nhà sinh bệnh mà chết, phải có lễ khẩn vái mới qua khỏi. Người nào ngồi lên mộ thần là bị dính vào mộ không sao có thể gỡ được, cũng phải làm lễ xin mới được tha. Có người còn cho rằng hiện tượng trên chỉ xảy ra với người làng khác đến, còn với người làng Phong Lệ thì không, đặc biệt trẻ em chăn trâu thì không xảy ra việc gì. Vì những lý do trên nên gò Thần Nông đến nay vẫn quang đãng và trở thành nơi tụ tập chơi đùa của trẻ chăn trâu, đồng thời cũng là nơi dùng để rước lễ Thần Nông.

Việc rước lễ Thần Nông chủ yếu do trẻ em chăn trâu chủ sự, có sự giúp sức của các tộc trưởng trong làng.

Hằng năm vào tiết tháng 4, 5 ngày 1 âm lịch là rước lễ. Để chuẩn bị cho ngày này, làng Phong Lệ giao nhiệm vụ cho những trưởng tộc trong làng hoặc những người cày ruộng quân cấp làm kiệu, cờ, hoặc vận động những gia đình khá giả ủng hộ cơm, nếp, gà, vịt... Trẻ em chăn trâu tổ chức thành nhóm lo

²⁰ Chính thể mà trong câu hát gọi bò của trẻ em chăn trâu ngày trước ở làng Phong Lệ có nhắc đến Thần nông:

... Chớ nhảy băng đồng
Thần nông vận hợng...

²¹ Cồn Thần có nền đá tự nhiên, mặt nghiêng, rộng 3-4 m².

mọi công việc từ rước lễ, ăn uống, dọn dẹp...rất có quy cũ, trật tự.

Cờ kiệu làm xong mang đến mộ Thần Nông rước thần về đình thờ. Trẻ em chẵn trâu trong những ngày này được coi trọng, người lớn tuổi cũng phải phục vụ hết mình, xem như là nhiệm vụ phải thực hiện.

Tam niên nhứt lệ, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức rước một lần vào các năm Tý, Meo, Ngọ, Dậu. Chủ yếu của lễ là rước kiệu Thần Nông chung quanh cánh đồng của làng Phong Lệ. Sau lễ rước có kèm theo hát giáo tuồng (hát bội) nên thường gọi là *Hát Mực đồng*.

- Đầu tiên là rước cờ dạo quanh đồng, lễ rước có hai hàng cờ, mỗi hàng 12 cây kèm theo cờ của làng và lồng đèn. Việc làm cờ, làm kiệu được phân chia cụ thể cho các hộ dân Phong Lệ. Hộ nào cũng phải góp công sức vào ngày hội của làng, qua các công đoạn làm cờ, kiệu cũng có phong trào thi đua tốt, xấu, vì thế nên tộc họ nào cũng cố gắng làm đẹp sao cho nổi trội hơn hết.

Cờ mực đồng màu đỏ có tua vàng, cán dài 4 mét, đỉnh cán vạt thành lưỡi giáo nhọn. Trang trí từ trên xuống gồm nhiều tầng: trái gàng, hoa bằng tre vót thành tua nhỏ. Bộ tứ linh long lân quy phụng làm bằng vải hoặc bằng giấy màu rực rỡ, có móc những mảnh giấy bạc lấp lánh. Một con rồng uốn thân ngậm vào đầu lá cờ, người xem trông vào lá cờ đã thấy công phu, chúng tỏ có sự chuẩn bị cả tháng rất chu đáo. Về lồng đèn thường là lồng đèn kéo quân có chức năng soi sáng về đêm và tạo cho cảnh trí thêm đẹp, lộng lẫy.

Trong quá trình rước thần, cờ Mực đồng đi sau kiệu Thần Nông, kèm trước và sau là hai hàng lồng đèn và hai hàng giáo mác. Những người khiêng kiệu, cầm cờ, cầm giáo đầu đội nón dẫu (nón gõ), lưng thắt một dải lụa điều. Đi đầu là một trùm bành (còn gọi là trùm mực), tay cầm phèn la (sênh) đánh hiệu lệnh. Thường trùm đánh một hồi dài và lại ba tiếng lẻ, rồi cứ thế ba tiếng lẻ đánh dồn dập. Giúp việc có trùm chỉ, trùm phụ lo việc sắp hàng nhắc nhở nhau khi rước Mực đồng. Theo sau kiệu là đàn trẻ em chẵn trâu, mặt mày lúc nào cũng tươi vui tỏ mở, đây là lực lượng được coi trọng nhất trong lễ hội.

Đi đầu Trùm bành xướng:

-Hô chúng mực đồng Phong Lệ ta, rước vua Thần Nông về làng Phong Lệ ta²².

Cả đoàn trẻ em chẵn trâu và cả những người đi xem hội rước kiệu đều đồng thanh hô:

-Giả hạ! Giả hạ!

Trùm bành lại hô tiếp:

-Xin cho tốt lúa, tốt giao, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng !

Cả đoàn người đi theo đám rước trên cánh đồng Phong Lệ đồng thanh hô theo:

-Giả hạ ! Giả hạ !

Trùm bành lại xướng tiếp:

-Tiếng của mừng reo !

²² Về lời hô này, chúng tôi có gặp một bản khác hô như sau: "...Rước vua Thần Nông về làng Phong Lệ ta..."

Cả cánh đồng lại hô đé theo trâm hùng như một dàn hợp xướng, âm thanh dội lên liên tục một hồi lâu:

-Giả hạ...ạ...ạ! Giả hạ...ạ...ạ!

Tiếng hô kéo dài lan tỏa sang các làng lân cận. Đoàn rước vừa đi, hai hàng cờ nhào lộn trên cánh đồng khô quang đãng, cờ tung bay trong gió nhộn nhịp, thanh bình, nghiêng qua đảo lại, nhịp nhàng. Hai hàng giáo mác nghiêng bên này, đỡ bên kia cổ vũ mãi không thôi.

Đi kèm đám rước có đội chinh cổ nhạc và phường bát âm hòa lên vang động khắp đồng, len vào tận lũy tre làng náo nức. Tất cả âm thanh trong lễ hội làm nức lòng già trẻ, gái trai không chỉ làng Phong Lệ, mà còn lan tỏa, kích thích những làng bộ chung quanh cũng bôn ba về dự xem lễ rước Thần Nông. Lễ rước đi khắp nơi, dạo trên đường làng, đường cái quan. Lễ rước Mục đồng năm 1936 vui nhộn đến tàu lửa cũng dừng lại để xem. Có lần vợ viên Bộ chánh tỉnh Quảng Nam đi võng ngang qua cánh đồng đang giờ rước lễ, trẻ em chặn trâu ra lệnh xuống võng, người này không y lệnh, liền bị trùm phụ quát bừa, trẻ chặn trâu vây lấy võng, y phải bỏ võng tháo chạy thoát thân.

Sau mỗi đêm rước Thần Nông, cờ được đem về cắm hai hàng ở đình Thần nông. Đèn được thắp sáng suốt đêm.Đội giáo tuồng khăn trương chuẩn bị cho công việc hát trong những ngày sắp tới. Bên ngoài khuôn viên đình Thần Nông người đông tấp nập, hàng quán được dựng lên bán nhiều món ăn nhà quê, dân dã. Các trò chơi giải trí hoặc lấy hên xui qua các loại bài: tào cáo, xóc đĩa... diễn ra tấp nập.

Ba ngày rước Thần Nông người đông như hội, có người từ trên nguồn xuống, từ trong ra, biển lên, ngoài vào tụ lại tại làng Phong Lệ để coi rước lễ.

Đêm thứ ba mới là đêm chính thức rước Thần Nông. Giờ Tý xuất hành từ đình Thần Nông, đi giữa là kiệu, hai hàng cờ hai bên, đến chiêng, trống, nhạc. Đoàn người đến mộ Thần Nông (Cồn Thần) khoản giờ Mẹo. Trùm bành (thường là Lý trưởng) đứng ra thay mặt đám rước và tinh thần người làng Phong Lệ gieo âm tín bằng hai đồng tiền để biết rằng thần đã giáng hay chưa. Khi cảm nhận rằng thần đã giáng rồi, một hồi phèn la nổi lên, Trùm phụ, Trùm chỉ lo việc sắp lại hàng ngũ cho được chỉnh tề, trang nghiêm. Trống lệnh (cổ) cất lên, kè là ba hồi chiêng trống và phường nhạc cổ bát âm tấu lên, thường là bát âm với điệu Kim tiền phấn khởi, mừng vui, rồi nhạc chuyển dần sang điệu Lưu thủy trang nghiêm.

Hiệu lệnh ba tiếng phèn la gõ lên là báo hiệu sẵn sàng. Vị Trùm bành xướng lớn:

-Rước vua Thần Nông về đồng Phong Lệ ta !

Cả đoàn người hô theo

Cờ Mực đồng (VVH)

-Giả hạ !...

Trùm bành xướng tiếp:

-Hô chúng Mực đồng Phong Lệ ta ! Xin cho tốt lúa tốt gieo, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng !

Đoàn Mực đồng hợp xướng reo to:

-Giả hạ...ạ....ạ...! Giả hạ...ạ...ạ...!

Tiếng reo lại tiếp tục vang xa âm hưởng trầm hùng phấn chấn hàng ngàn người dự hội. Đoàn người từ mộ Thần Nông di chuyển về đình thờ Thần Nông, đoàn Mực đồng nói theo nhau diễn qua đồng làng tiến dần về hướng đình. Tiếng phèn la, tiếng trống cái, trống lịnh, trống con cùng hòa với đội nhạc cổ bát âm tạo nên một không gian lễ hội hoành tráng.



Tiếng "*xập xả*" đều đều gây nên ấn tượng nhịp nhàng sắc nhọn. Suốt cả đêm, đoàn rước thần đi suốt cánh đồng Phong Lệ, không có một đám ruộng nào mà đám rước thần không đặt chân đến. Kiệu thần đi vào thửa ruộng nào, chủ nhân của ruộng cho là có hên lắm, thần sẽ giúp để có một mùa bội thu. Do đi khắp đồng nên đoàn rước thần về đến đình là sắp bước sang đầu giờ dần (tờ mờ sáng hôm sau). Ngay tại sân đình cử hành lễ an vị. An vị xong là lễ vọng. Đang khi lễ vọng tiến hành thì vị Hội chủ tắm cho trâu bò hoặc heo làm vật hy sinh,²³ chuẩn bị giết để tế thần cầu xin cho năm đến làng Phong Lệ được

²³ Nếu hạ hai con vật để tế thần, dân làng gọi là con *hy* con *sinh*, nếu chỉ hạ một con gọi chung là con *hy sinh*.

mùa, no đủ, vũ thuận phong điều. Trong lễ tế thần, văn tế có đoạn viết: "*Khắc xương khuyết hậu, hữu khai tất tiên, thiết vi dân thiên minh triêu vu dĩ tọa cả...Điền vô bách bá, hân hách cốc chi dụng thành, hỷ kim canh tác phàm manh.*".

Sau lễ rước Thần Nông về làng Phong Lệ, dân làng như được tiếp thêm sức mạnh, tin tưởng hẳn lên vì có vua Thần Nông giúp đỡ cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng no đủ. Theo sau lễ rước thần là mùa lúa đến, nhân dân làm lễ "hạ điền", sau một tháng gieo cấy xong lại có lễ "hạ điền", đây là thời kỳ nông nhàn của nông dân. Sau vụ gặt mùa chính, nhân dân Phong Lệ nói riêng và Hòa Vang nói chung có lệ cúng "com mới", "xôi mới" dâng lên tổ tiên ông bà.

Xứ Quảng Nam là vùng nông nghiệp, nên sinh hoạt liên quan đến nghề nông được xem trọng, lễ Rước Mực đồng ở làng Phong Lệ ngày trước là một trong những hình thức coi trọng nghề nông. Thông qua lễ rước Thần nông, giá trị người nông dân được nâng cao cùng với giá trị lao động và sản phẩm của họ làm ra. Hệ tư tưởng phong kiến thường xem khinh những người lao động nặng nhọc, trong đó lao động chân lấm tay bùn không loại trừ, mà hạ tầng nhất trong giới chân lấm tay bùn này là giới chẵn trâu. Vì thế có bao giờ giới chẵn trâu được ngồi tại đình làng trong những ngày lễ hội, vậy mà đến Phong Lệ trong những ngày rước lễ Thần nông, mới thấy trẻ em chẵn trâu được xem trọng, được phục vụ, có quyền phát huy quyền làm chủ của giới mình trong việc điều hành công việc. Điều này nói lên vị trí của người nông dân lam lũ và trẻ em chẵn trâu trong ước mơ cải bỏ giai cấp trong xã hội phong kiến đương thời.

- Sau lễ rước Thần nông lại có hát giáo tuồng, ở làng Phong Lệ trong quy trình này gọi chung là *Hát mục đồng*. Hát làm tăng thêm tinh thần cho ngày hội ở làng Phong Lệ, góp phần hình thành một phong tục mới mang sắc thái địa phương vùng đất Quảng. Đây là một tập tục lâu đời còn ghi dấu ấn lại đến nay.

Yêu cầu để có hát bội thường nhắm vào các chủ điểm:

-Làm đình, chùa xong không xảy ra sự cố gì thì hát mừng.

Hoặc,

-Khẩn cầu việc gì đấy cho làng về sau có kết quả thường tổ chức hát để " tạ ", cũng được xem là hình thức trả lễ cho lực lượng siêu nhiên.

-Cũng có khi đến lệ thì hát, cứ vài ba năm tổ chức một lần, cứ vậy theo lệ lặp đi lặp lại trong nhân dân. Ở làng Phong Lệ hát bội sau rước Mục đồng đã trở thành lệ cứ ba năm tổ chức một lần và những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu.

Ngày xưa buổi hát không đơn giản và phổ biến như bây giờ, không phải cứ ai khá giả muốn tổ chức cuộc vui là thuê gánh hát về hát tại đình hoặc ngay tại sân nhà mình được. Phải theo lệ làng quy định, trước khi hát có họp hương lý cùng nhân dân trong làng đồng ý xong mới có thể thuê gánh hát về làng (trừ khi hát theo lệ). Kế đến là phân công chịu trách nhiệm từng mặt cả việc chi phí cho hát bội, bầu bồi bái (tức ông cầm châu). Người cầm châu phải có đạo đức tốt, phải con cháu nhà tộc lớn, họ to mới đủ điều kiện và uy tín làm người cầm châu. Sau đấy mới mời gánh hát về tụ rạp, chọn tuồng để diễn. Việc chọn tuồng là hết sức quan trọng vì nếu không phù hợp với

nguyện vọng của làng thường bị dân làng phản ứng, không ủng hộ. Do vậy, chọn tuồng để diễn là một trong những khâu quan trọng bậc nhất của Hát mục đồng ở làng Phong Lệ.

Đúng giờ đã chọn, gánh hát tụ rạp.



Tác phẩm của VVH (Ảnh: VVH)

Rạp được làm trước sân đình bằng tre gốc, gốc tre trở ngược lên trên còn ngọn thì chôn xuống đất²⁴. Công đoạn treo phông, màn được gọi là trướng thành, cùng với trướng thành là đặt bàn tổ hát bội. Bàn tổ được phủ khăn điều để một bên rạp hát.

²⁴ Theo các cụ ở làng Phong Lệ cho biết, gốc tre được đưa lên trên có ý nghĩa rằng: đào, kép hát tuồng do phân vai cha có thể đóng vai con và ngược lại. Có khi con đóng vai công chúa, nữ hoàng, mẹ đóng vai nô tỳ, nông dân hạ cấp... Khi hát con gọi mẹ, cha phải bảm thưa, dạ... Vì thế mà khi làm sân khấu cho rạp hát có tục trỏ đầu tre nhằm biểu hiện không chấp nê khi sắm vai hát.

Mọi việc chuẩn bị xong đầu đầy, kể là lễ cúng tổ sư ngành hát bội và cúng âm hồn, xứ đất. Trước bàn hương án người ta đặt một cái trống lớn, phủ khăn đỏ trên mặt trống. Trống được đặt trên một cái giá ba chân, còn dùi đánh trống được trịnh trọng hơn, đặt trên bàn án của đình.

Bắt đầu là lễ "*xây châu*", vị hương lý và mọi người dự lễ hội mặc quần trắng, áo dài đen, đầu đội khăn nhiễu đượng đứng thành hai hàng quay mặt vào bàn án thực. Theo lời xướng, chiêng trống gióng lên ba hồi liên tục rồi cứ thế mà đánh. Đội nhạc cổ bát âm hòa lên bài *Tam luân cửu chuyển*.

Ông bồi bái (chủ sự), mặc áo rộng, đầu đội mào chân đi hia tiến vào đình đến trước bàn án, trịnh trọng hai tay nâng dùi trống nằm ngang trong lòng bàn tay, nhẹ nhàng đi ra sân khấu đến trước bàn án vái ba vái rồi theo hướng đã quy định có đặt chiếc trống châu và đứng trước trống 3 mét. Xướng truyền báo cho đội hát chuẩn bị sẵn sàng để hát. Bồi bái cầm dùi trống khoán xuống đất, nơi ông sẽ đứng đánh trống, đoạn bước vào ngay chỗ khoán, kể đến là khóa trên mặt trống,²⁵ dùng dùi

²⁵ Bài khoán trên mặt trống như sau: *Tiên họa tứ tung, Hậu họa ngũ hoành, (Trước họa bốn dọc, Sau họa năm ngang)*, sau đây là hình thức khoán: vẽ khoán, vòng ba vòng, phược. Nay không còn sử dụng. Dị đoan! Chúng tôi ghi lại đây nhằm biết được tục xưa. Trong công trình nghiên cứu lịch sử *Xứ Đàng Trong*, Li Tana viết: "*Người Việt Nam đã bị chi phối rất nhiều bởi phong tục của người Chăm. Sống trong vòng ảnh hưởng của bùa, phép, thư, ếm rất linh ứng, người Việt tự bắt buộc phải theo các tục lệ hoặc phương thức thờ cúng của người Chiêm Thành*". Lê Quang Nghiêm trong sách *Tục thờ cúng của ngư phủ Khánh Hoà*, bàn về việc thờ cúng Lỗ Lường (yoni) nơi người Chăm, có nghĩa là bộ phận sinh dục của nữ và Bộ Đồ (linga) nơi người Việt ở Khánh Hoà. Dẫn theo Li Tana - *Xứ Đàng Trong* – Nxb Trẻ, 1999. Tr 196. Và, Chu Thuần Thủy đến Đàng Trong năm 1657 ghi lại: "*Nhưng tại sao chư quân từ trên xuống dưới lại cứ đến đòi xem tướng số...Người coi tướng (tướng sỹ), người xem sao (tinh sỹ) đông biết bao nhiêu mà đếm cho hết! Trong tứ dân và chín học phái, họ (người coi tướng và người xem sao) là hạng người thấp hèn nhất. So họ với nhà Nho có đức nghĩa, khác xa một trời một vực, như đen với trắng, như*

trống khỏ trên mặt trống rất khễ 7 tiếng,²⁶ rồi đưa thẳng tay, miệng đọc chú đánh một dùi thật nặng vào mặt trống đang còn phủ chiếc khăn điều. Vừa đánh trống, vừa dùng tay nắm lấy khăn điều quấn dùi trống, vừa đánh vừa quấn, miệng lâm râm lời chú của bài phú xây châu. Mỗi tiếng phú đi kèm một tiếng trống. Ba câu phú ứng với ba hồi trống, hồi trống dài hay ngắn là do bài phú xây châu quyết định.²⁷

Trống dứt, ông bồi bái tháo khăn điều quấn tượng tổ ngành hát bội, cùng lúc quay mặt tượng nhìn thẳng vào bàn án đình. Kịp lúc *học trò gia lễ* xướng *Phụng tiến ca viên*. Nghe tiếng trống và lời xướng, tất cả đào kép của gánh hát sau sân khấu *dạ* một tiếng đồng thanh thật lớn, rập ràng hòa theo âm thanh tấu lên của trống, chiêng, phèn la và phường nhạc cổ bát âm. Đội nhạc cổ bát âm chuyển sang điệu *Khai trường*. Chủ

nước với lửa, hoàn toàn tương phản". Chu Thuán Thuỷ - *Ký sự đến Việt Nam năm 1657* - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam – 1999. Tr 56.

²⁶ Khễ rất nhẹ 7 tiếng trên mặt trống theo vị trí 7 ngôi sao trong chùm sao Bến lái. Người xây châu vừa đọc vừa khễ: *Nhứt ngũ thất trực như huyền, Nhị tứ lục diệt kham biên* (1,5,7 thẳng như (cái) dây, 2,4,6 cũng thẳng, quay trở lại 3).

²⁷ Bài phú xây châu: "Tứ tung ngũ hoành

Ngô đương xuất hành

Võ vương vệ đạo (Võ vương Nguyễn Phước Khoát)

Đương ngô giả tử

Bồi ngô giả vong

Cấp cấp như luật lệnh"

Dịch:

Bốn dọc năm ngang

Ta đang làm việc

Võ vương hộ vệ ta

Trước mặt ta thì chết

Sau lưng ta phải bị diệt

Mau mau như luật lệnh (của ta).

bái đánh ba tiếng trống, rồi sáu tiếng tiếp theo, đây là hiệu trống *Lôi tam Lôi lục* là tín hiệu báo cho đào kép hóa trang.

Trống dừng lại ở đây, chủ bài vẫn còn đứng trước trống châu, lúc bấy giờ đội nhạc cổ bát âm chuyển sang điệu nhạc *Nghinh*. Điệu nhạc *Nghinh*, một mặt nhìn những thần linh đánh thờ tại đình, mặt khác được hiểu nghinh những đại diện Tổng, Hạt, Xã, Làng ... đến dự lễ hát.

Tiếng trống *Lôi tam, Lôi cửu* giục lên là dấu hiệu có ý nghĩa báo hỏi đào kép sau sân khấu đã chuẩn bị xong hay chưa. Nếu đào kép đã chuẩn bị xong thì trả lời lại bằng hiệu trống *Lôi tam lôi lục*, nếu chuẩn bị chưa xong thì chưa đánh trống trả lời. Nhạc bát âm chuyển theo các làn điệu hát ca (theo tuồng). Để chuẩn bị hát, có hai kép hát đã hóa trang theo vai bước ra thủ lễ bốn bài trước bàn án thờ tổ ngành hát bội. Xong lễ, bồi bài đánh *khen thưởng* bằng ba tiếng trống, kèm với một ít tiền.

Bồi bài đến lúc này mới được ngồi xuống ghế đã đặt sẵn trước trống châu.

Tiếp đến là cử hát lễ mở màn cho buổi hát, một kép đại diện cho cả gánh hát bước ra sân khấu và hát:

*-Cá phôi vi giỡn nguyệt
Chim xòe cánh hưởng sương
Mừng nay quốc phú dân cường
Phỉ báy phong điều vũ thuận.*

Ảnh minh họa (VVH)



Thường, trong một buổi hát bội trước sân khấu có đặt hai trống châu, bên phải của sân khấu là châu *Cái*, bên trái là châu *Lèo*. Châu *Cái* chỉ chủ bái và các già làng của địa phương có tổ chức hát bội mới được đánh, còn châu *Lèo* dành cho thứ dân, quan khách hoặc người từ xã lân cận mộ điệu đến xem thì có thể đánh châu *Lèo*. Khi đào kép hát hay, người bốn phương mộ điệu đến xem muốn đánh trống phải liên hệ Ban tổ chức để mua thẻ, một người mua bao nhiêu thẻ cũng được, đoạn dùng thẻ đó thế tiền ném lên sân khấu để được đánh trống, hết thẻ gác ngang dùi trên trống, nhường cho người khác. Đào kép nào nhận được thẻ, giao lại thẻ cho Ban chủ sự để nhận tiền thưởng của người xem.

Trước khi kết thúc một đêm diễn phải có đoạn hát "*Định đô*", thường nội dung của đoạn *định đô* là phải giết cho được nịnh thần hoặc dẹp xong quân giặc ngoài biên tái hoặc dẹp yên hiềm khích bất hòa trong triều chính. Sau câu hát *định đô*, màn khép lại, châu bái một hồi trống thật dài.

Cùng với làng Phong Lệ xưa, người dân làng Giáng Đông (cạnh Phong Lệ) lại tổ chức đấu vật (còn gọi là hát vật, sau đó hãy đi xem hát mục đồng (tức hát bội tại đình thần). Người dân vui vì mùa vụ có năng suất cao, việc nông tang đang độ

nông nhàn, hưởng ứng tinh thần lễ hội Mục đồng trong xã, các vị già cùng thanh niên trai tráng trong làng tập trung tại một khoảng đất trống cách đình làng Giáng Đông không xa và tổ chức cho các vị già trong làng thi đấu vật. Để mở màn cho lần thi đấu vật, dân làng cử hai cụ già nhất làng ra sân vật trước, như là lễ khai mạc cho cuộc vui trong năm. Sau các cụ là thanh niên trai tráng thi thử tài năng, sức mạnh có tính phụ họa cho sinh hoạt đấu vật của các cụ già. Trong đấu vật, ai thắng cuộc sẽ được cấp cho một sào ruộng công loại *nhứt đặng điền* để cấy cấy trong vòng ba năm, đến khi giáp quận lại trả lại cho làng nếu lần thi liền kề bị thua trong cuộc đấu vật.

Nay, tập tục này đã không được tiếp tục, một mặt do cuộc sống dần chuyển đổi cho phù hợp, người ta không còn ham thích loại hình dân gian này nên theo năm tháng cùng với Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông đấu vật cũng không còn duy trì nữa. Mặt khác còn do cảnh chiến tranh thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã tàn phá hết thảy những điều kiện để có thể duy trì lễ hội. Đến nay, lễ hội trên gần như đã thất truyền, chỉ một số rất ít các cụ già tại làng Giáng Đông, Phong Nam còn nhớ không rõ ràng trong ký ức của mình. Thêm, người dân quan niệm rằng cụ già nào đấu vật trong buổi khai mạc mà thua, thế nào trong năm cũng qua đời. Chính đó, các cụ không hăng hái khai cuộc, thanh niên nam nữ không còn điều kiện để tổ chức được khi mà các cụ không còn hưởng ứng.

4.2. Lễ hội rước hên:

Ở xứ Quảng, nghề cào hên và lễ hội rước hên thường diễn ra trên các con sông lớn như Thu Bồn, Vu Gia...hay trên một

con sông nhỏ gần cửa sông như Cẩm Lệ chẳng hạn. Những nơi ấy có môi trường thuận lợi cho con hến phát triển. Thế nên bên cạnh nghề nông, người Đông Bàn có con sông Cẩm Lệ chạy ngang qua làng, một số dân vùng ven có thêm nghề sông biển.



Đua ghr nữ (St)

Đi ngang qua vùng Phong Nam, ghé đến Đông Bàn (xóm hến ngày xưa) vẫn còn nghe nhân dân ở đây nói về một phương thức lao động sinh sống của mình, đó là nghề cào hến. Nhân dân xóm hến một năm có đến hai nghề, nửa năm đầu dành cho hến, nửa năm sau là cày cấy nông tang. Vậy mà ngày xưa nếu như đến đây vẫn hình dung được cuộc sống còn nghèo. Vùng ven sông, mái nhà làm dốc hơn, thấp hơn để chống bão. Đa số là nhà tranh với chỉ chút những mối buộc bằng mây giữ chặt rui mè, trên nóc lại chèn thêm những cây tre tạo nên những đường viền nhằm đề mái tranh cho khỏi tốc

khi có gió lớn từ sông Cẩm Lệ thổi lên. Có thể nói, đây là dáng vẻ riêng của nhà tại Đông Bầu. Mỗi ngôi nhà núp dưới một cây đa to, nhiều nhất là núp dưới những hàng tre. Núp dưới tre để chống bão, bão nhiệt đới ít khi thổi vào vùng này, nhưng phần nhiều vẫn là gió, có khi gió to. Tre vừa chống nóng, chống bão cũng còn góp phần làm cho xã hội an toàn.

Nghề hén là một trong những nghề khá vất vả tại đây, bởi thường xuyên ngập lặn ngâm mình trong nước để cào hén. Hén cào được gánh ra chợ Phong Lệ họp ở đầu Cầu Đỏ để bán đổi gạo và các nhu yếu phẩm khác.

Bài về sau đây còn lưu hành trong dân gian:

*Sinh ra nghề hén thậm hay
Cái ruột cũng bán
Cái vỏ cũng bán
Đến tro cũng có tiền
Vợ ở nhà đi bồi cho siêng
Chàng chẻ tre bện nạo liên miên cả ngày
Cào sưa chỉ những cào dày
Lấy mây bện lại, công rày trường công
Ấn nhờ một chút dưới sông
Đàn bà đi bán, đàn ông đi cào
Nửa đêm thức dậy lao xao
Bà đâu cháu nấy, chồng nào vợ đây
Gà gáy đầu lửa đỏ một dây
Chồng sần, vợ đãi, con cầm cây chụm lò
Hai bên những giống vớ vò
Nghề này không đòi đâu mà lo
Ông gia cào, thằng rể nạy*

là loại hén còn sót lại của mùa năm trước theo nước lợ về tụ tại đây. Ở đây con hén sống đợi chờ suốt 6 tháng mùa mưa để đến tháng giêng khi mùa khô là bắt đầu là sinh sản.

Tháng hai đến tháng ba, nước sông Cẩm Lệ cạn dần, con hén cũng theo đó mà lên cùng với nước lợ. Quá trình di cư, hén phát triển nhanh chóng nằm sấp lớp dưới lòng sông, bám vào rong rêu mà sống. Càng ngược lên, hén lớn dần và tròn trịa, vỏ có màu xám pha vàng, ruột hén dày dặn. Giai đoạn này con hén đạt chất lượng nhất trong mùa. Tháng 5,6 có khi con hén lên đến tận cây đa dù ở Chu Bái, Lạc Thành (Hòa Phong-Hòa Vang) để phù hợp với môi trường sinh sống. Tại đây hén đổi màu, có màu sậm đen, thân hén lớn hơn.

Hén vùng này cũng là hén cuối mùa, lạt lẻo gọi là hén Trâu. Thời gian này thường có những trận mưa giông đổ vào chiều, nước từ nguồn xuống xiết, đẩy hén lùi dần đến tận cửa sông. Hén Trâu không xuống kịp thường chết giữa dòng nước bạc.



Gốm Thanh Hà (St)

Đầu tháng 7, nhân dân xóm hén gác xếp dụng cụ hành nghề cào hén, chuẩn bị chuyển mùa sang ruộng, rẫy. Trước khi gác dụng cụ, nhà nào ở Đông Bầu cũng có tục tạ sông. Lễ tạ sông giữ lệ đúng ngày 10 tháng 7 âm lịch hằng năm.

Nghề hén có sự phân công nhau trong quá trình sản xuất. Mỗi người một việc đảm nhiệm từ đầu đến cuối. Cứ theo bài vè ghi lại không

gian, thời gian, nơi chốn khi tiến hành cào hén thì đủ biết rằng nghề hén bận rộn biết bao. Không kể ngày đêm, cứ tranh thủ theo nhịp điệu lên xuống của thủy triều, nơi giao lưu giữa nước mặn và nước ngọt để hành nghề. Điều kiện tự nhiên như thế nên cả xóm Đông Bầu lao động khẩn trương trong mùa hén.

Quá trình làm hén phải chuẩn bị bồi³¹ đùn, việc này giao cho một người chịu trách nhiệm và thường không thay đổi. Lại có người chuyên lo bện dụng cụ dùng để nạo, thường những người có khả năng mây tre làm chủ chốt. Công việc đùn lửa giao cho con cái trong nhà đảm trách.

³¹ Bồi:củi đùn.

Sau một, vài hồi cào hén, ghe đầy hén, cập bờ, người gánh ra chợ bán, người xúc đồ vào chảo nấu chín đãi lấy ruột cho vào vò thong thả sẽ bán sau. Tất cả các thao tác trên là cả một dây chuyền trong sản xuất. Nếu không tổ chức tốt, có thể dẫn đến thất thu. Một ngày cào được hai chảo hén đã là năng suất. Mùa hén đến, cảnh ban đêm dọc theo bờ sông bắt đầu từ gà gáy đầu đã thấy đèn đuốc sáng trưng. Cảnh tấp nập diễn ra trên bến dưới thuyền, đâu cũng vang lên tiếng gọi lao xao nhộn nhịp.

Người dân Đông Bàu trước khi tiến hành cào hén thường có lệ là tổ chức rước hén, sau đó mới đưa ghe thuyền và dụng cụ xuống sông. Lễ rước vào ngày 10 tháng 1, sáu tháng sau đến mùng 10 tháng 7 là lễ tạ sông. Đây là tục lệ tiến hành đúng như quy định của xóm.

Lễ tiến hành một lần vào tiết mùa xuân, khí trời còn se lạnh, có năm gió bắc vẫn còn thổi lơ phơ. Nước sông Cẩm Lệ lờ đờ, vận tốc dòng chảy chậm dần. Mùa hén bắt đầu. Lễ rước tiến hành.

Trước khi cử lễ vài ngày, cả xóm Đông Bàu chung sức kết hai ghe làm một, trên ghe trang trí đẹp mắt, có đến 6 cây cờ xéo (cờ rìa) đủ màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen...cắm hai bên thành ghe. Quanh thành ghe trang trí các loại mô hình: khung long, thủy long, cá ngựa, hén, sò...Tất cả kết bằng lá dừa, hoặc bẹ chuối, cây ngâu, chèo tàu...sao cho đẹp mắt là được, trông như một chiếc thuyền hoa rực rỡ giữa sông.

Trên ghe, người ta ghép, đặt một cái bàn có hương án, bài vị. Lễ rước có cử chánh bái, tư lễ, trống, chiêng đi kèm. Ghe

rước xuất phát từ xóm hén, ngược dòng đến An Trạch, sau đó quay xuống tận miếu Một³²-vùng ngã ba sông- đoạn, quay lại xóm hén và lễ chấm dứt tại đây.

Trên đoạn đường dài 8 km đường sông, ghe đi chậm, trống, chiêng cử đều nhịp.

Sau lễ rước, xóm Đông Bàu xuống sông bắt đầu cho mùa cào hén. Lễ rước hén ở Đông Bàu cũng như một số địa phương khác tuy có khác về hình thức, song qua đó thể hiện yếu tố tự lực, tự cường lại vừa có giá trị tinh thần của người dân Đông Bàu, vì sự sinh tồn của nhiều thế hệ. Tục rước hén đã trở thành dấu ấn đậm nét trong nhân dân (nay không còn nữa), trở thành phẩm cách của Đông Bàu (Hòa) tự khẳng định bản lĩnh của mình như “*Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông hát vật*”. Chính vì con hén nên khi ngang qua vùng Phong Nam ta vẫn còn nghe được câu hát một thời:

*Ai về Phong Lệ thì về
Phong Lệ có nghề bán hén nuôi trâu³³.*

4.3. Lễ hội cầu ngư:

Lễ hội xuất phát từ tục thờ cúng cá Ông (cá voi, cá mập nói chung) của các ngư dân miền biển người Việt. Tập tục này gắn liền với cư dân miền biển từ Quảng Bình vào Mũi Cà Mau, đến tận Hà Tiên. Lễ ảnh hưởng sắc thái cổ truyền của tục thờ

³² Trong dân gian có câu ca rằng: *Chim kêu miếu Một, gà gáy giếng đôi. Nhứt thôn tâm hà khắc vô do. Ra về vừa tới bến đò. Bâng khuâng nhớ lại mấy câu hò nữ nhi. Chú đò ơi bớt ngủ một tí tí ti. Tổng nhơn lưu phước đưa tui đi về nhà...* Miếu Một tại ngã ba sông Cẩm Lệ - Cỏ Cò - Sông Hàn. Tương truyền miếu thờ Nguyễn Phục.

³³ Có lúc đọc: *Phong Lệ có nghề bán hén mua trâu.*

thần sóng biển Pô Riak của người Chăm Pa, cúng thần Pô Inugar được quan niệm là hiện thân của cá voi đã được cư dân người Việt tiếp thu trong quá trình tiếp biến văn hoá. Theo quan niệm dân gian miền biển, cá ông là loài cá đầu đàn của các loài ngư nên chỉ huy các loài cá hiền lành nhằm mục đích chống lại các loài cá độc khác. Tuy chiến thắng nhưng cá Ông bị chết, do đó cư dân miền biển thờ Ông, Ông sẽ phù hộ cho những lúc đi biển, Ông cứu người, cứu thuyền bè khi gặp nạn trên biển.³⁴ Người dân tin:

*Dậm chân ba tiếng kêu Ông
Ghe tôi xiêu dạt sao không thấy về*

Về tính chất, lễ hội cầu ngư là lễ cầu mùa, cầu được sự an lành nghề nghiệp.

Vùng Quảng Nam dọc theo miền biển, nơi đâu có cư dân sống bằng nghề biển già đều có thờ cá Ông, cả các huyện đảo Hoàng Sa, Trường Sa cũng có tế lễ hằng năm. Lễ hội được tổ chức tại mỗi địa phương miền biển, không nhất thiết phải trùng ngày mà tùy theo điều kiện mỗi vùng. Xã Cẩm Nam - Hội An ngày 16/2 âm lịch, xã Bình Hải Thăng Bình ngày 15/3,

³⁴ Theo **Gia Định thành thông chí** của Trịnh Hoài Đức: “Thần này là cá ông voi, không vây, đầu tròn tròn, đỉnh đầu có lỗ hồng phun nước ra như mưa, môi voi, đuôi tôm dài đến 2,3 trượng, hay nhảy nhót ở mặt biển. Người hàng chài thả lưới đánh cá thường gọi thần mà cầu, thì đuổi cá vào cả lưới, người ta rất cảm ơn...Khi thuyền bị sóng gió nguy cấp, cá này thường đến giữ đỡ thân thuyền cho được yên ổn. Nếu thuyền bị chìm thì cá có thể vượt sóng mang người lên bờ, sự phù hộ của thần này rất rõ rệt. Chỉ nước Nam ta từ Linh Giang đến Hà Tiên là có sự linh ứng như thế, còn biển khác thì không có. Là bởi phương Nam núi biển đức khí thiêng, ngấm ngấm giúp đỡ để phù hộ nhân dân ta chăng.Đã được phong tặng làm “Nam hải tướng quân Ngọc lân tôn thần”, chép vào tự điển.” Trịnh Hoài Đức – **Gia Định thành thông chí** – (quyển VI Thành trì chí) - Viện sử học - Nxb Giáo dục 1998. Tr 194.

xã Bình Dương ngày 19/2, các xã thuộc huyện Núi Thành tổ chức vào 20/2 hằng năm. Lễ thường được tổ chức từ 1 đến 2 ngày tại ngay cửa biển, đầu sông, nơi có lăng Ông. Toàn thể dân vạn chài tham dự, lễ vật tùy theo từng năm, năm nào được mùa, cúng nhiều, năm thất bát lại gia giảm cốt cho đủ lễ mà thôi. Vật lễ gồm sản phẩm nông nghiệp là thổ nghi có tại địa phương gồm cơm, canh, thịt, bánh, chuối, xôi, chè... không dùng các loại sản phẩm nghề cá để cúng Ông. Nơi hành lễ người ta che rạp, có thể trang trí ngay trên một chiếc ghe bầu lớn như lễ rước hén. Có cờ lễ hội, hoa giấy các loại,... trông thật rực rỡ. Trong lễ có chấp sự phụ trách chinh cổ và đội nhạc bát âm.³⁵ Có cử Chánh bái và Bồi bái (tế).

Ví dụ, sau đây là lễ hội cầu ngư của nhân dân miền biển vùng Xuân Hà, phường Thanh Lộc Đán, quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng. Tại đây, ngư dân suy tôn cá Ông thành Phúc thần và lập lăng miếu thờ tự, thể hiện niềm tin của người dân vào sự giúp đỡ của thần. Cá Ông không chỉ là vị thần biển mà còn liên quan đến sự thịnh vượng của vạn chài, được xem như một vị thần Thành hoàng của vạn. Họ tin rằng có hai vị thần cá Ông, một vị sống ở biển gọi là *ông Sanh* danh xưng là Đông hải Ngọc lân; và một vị nữa đã hoá thiêng (chết) gọi là *ông Tử* danh xưng là Nam hải Ngọc lân. Vị thần Ông Sanh là

³⁵ **Nhạc bát âm gồm:** 8 nhạc cụ thường sử dụng trong hát bội, hát giáo tuồng, lễ hội, trong quan, hôn, tang, tế... ngày xưa người ta thường sử dụng âm của 8 nhạc cụ khác nhau hòa thành âm sắc mà ta thường gọi là nhạc bát âm. 1/ *Bào*: đây là 1 bộ gõ dùng để gõ, tiếng kêu trong hơn tiếng mõ; 2/ *Thô*: 1 dụng cụ bằng đất nung, tiếng kêu thanh; 3/ *Cách*: cái trống; 4/ *Mộc*: cái mõ âm thanh trầm hơn tiếng bào; 5/ *Thạch*: 2 miếng đá rất mỏng; 6/ *Kim*: cái chuông giống như cái linh; 7/ *Tư(tơ)*: cái đàn có 16 dây; 8/ *Trúc*: ống sáo, ống tiêu. Ngày nay nhạc bát âm không còn phổ biến nguyên bộ trong các lễ hội cũng như trong quan, hôn, tang, tế mà thay bằng kèn, trống, đàn nhị, đàn kim.

ân nhân của người đi biển, còn Ông Tử là bảo trợ cho cuộc sống của vạn chài. Ngư dân ở đây gọi cá Ông bằng danh xưng tôn kính như Đức Ngư Ông, Đức Linh Ông, hoặc Ngài. Tuy thế họ gọi tắt là Ông vẫn chấp nhận được.



Biển Đông (St)

Lễ hội cầu ngư tại Xuân Hà chủ yếu là tế tự Ông Tử - Nam Hải Ngọc Lân - Cứ theo lệ thường xuân thu nhị kỳ có 2 lần tế lễ, trong đó lễ tế xuân được xem là đại lễ, bởi trong lễ này nhân dân gửi gắm niềm tin, ước nguyện của mỗi hộ gia đình cho một năm được mùa, bình yên vô sự. Người ta cầu an cho làng vạn. Phường Xuân Hà tổ chức lễ trong 2 ngày 25 và 26/3 âm lịch. Nghi lễ giống như nghi lễ tế Thành hoàng bốn xứ tại đình làng. Những người tham gia chủ lễ như Chánh bái, Bồi bái và các vị trong ban chấp sự phải là người có đức độ,

có uy tín với vạn và nhất thiết không ai đang trong thời kỳ thọ tang người thân. Chủ bái trước 3 ngày hành lễ phải giữ mình cho sạch.

-Lễ bắt đầu với nghi thức lễ vọng từ mờ sáng nhằm cầu xin thần Nam hải báo ứng cho dân vạn chài điếm lành, dữ trong năm. Bản văn cúng ca ngợi công đức cá Ông trong việc giúp đỡ các vạn chài.

-Lễ nghinh Ông Sanh, rước thần về nhập điện chứng lễ tế thần Nam hải, tiếp là nghinh thỉnh vị tiền hiền, các vị hậu hiền, cô bác tại các đình, miếu trong vạn về lăng Ông chứng hưởng lễ tế.

- Lễ tế cô hồn (những oan hồn uổng tử vất vương đầu đó trong vạn chài) được tổ chức tại sân lăng Ông, vật lễ gồm một bát cháo thánh, một đĩa khoai, sắn, bánh trái, hộp trà chén rượu, hương đăng, vàng mã. Khởi sự tế, vị Chánh tế gõ 3 hồi mõ, dâng đủ 3 tuần rượu, sau tuần rượu thứ nhất là đọc văn tế. Nội dung của văn tế cô hồn biểu hiện sự thương tiếc cho những oan hồn chết uổng, thể hiện tình cảm của dân vạn với những người đã vì kế sinh nhai mà tử quy chín suối.

- Lễ tế Ông Tử - Nam Hải Ngọc Lân – đây là lễ chánh tế được tiến hành vào lúc nửa đêm về sáng. Vật tế có con (hoặc đầu) heo, hương đăng hoa quả, thứ phẩm khác (không dùng vật cúng bằng hải sản). Phần tế có dâng hương, dâng rượu như cầu an tại đình làng, đọc văn tế ca ngợi công đức của thần, cầu xin thần bang cho làng vạn một mùa bội thu, thuyền ra khơi xuôi chèo mát mái.

Sau lễ tế, ngư dân xuống thuyền bắt đầu cho một vụ mùa mới đánh bắt với ước vọng mang theo là sẽ được mùa no đủ, bình an trên sóng nước.

Lễ xây châu hát bả trạo và hát bội được tiếp theo sau, đây là lễ hội phải có trong lễ hội cầu ngư miền biển. Lễ có hát thơ, hát thiêng đã trở thành tập tục của cư dân vạn chài. Hát bả trạo là một bộ phận của nghi lễ bao gồm hát và múa với đạo cụ cầm tay là mái chèo, đội hình diễn gồm các con trạo - tức các tay chèo thường là nam giới) - dưới sự chỉ huy điều khiển của các Tổng mũi, Tổng thương, Tổng lái và Tổng khậu. Đôi bả trạo đứng thành hai hàng như đang chèo thuyền đưa thần về cõi vĩnh hằng.

Có thể thấy, việc các ngư dân miền biển tổ chức thờ cá Ông gắn bó lâu đời từ khi những lưu dân vào phương Nam khai cơ lập nghiệp đã trở thành một hình thức tín ngưỡng dân gian, từ đó làm nảy sinh các giá trị nghệ thuật nhất là nghệ thuật hát bả trạo với các điệu hò đưa linh hàm chứa giá trị tinh thần của người dân xứ Quảng. Do sóng dọc theo miền duyên hải nên các cư dân nơi đây chọn biển giã là nơi làm ăn sinh sống hoà vào với sóng to gió giạt mà tồn tại, từ đó con người phát sinh nhu cầu gửi gắm niềm tin vào các vị thần, khi mà nền khoa học công nghệ thời bấy giờ chưa thể giải thích được các hiện tượng sóng to, gió lớn thì việc thờ kính cá Ông là một niềm tin, là ước vọng có sự giúp đỡ thiêng liêng vào sự sống còn. Chính đó, ngư dân miền biển lập lăng thờ phụng, mở hội tế thần, những mong đem lại niềm tin, sự trả ơn, tri ân thần linh, các thế hệ tiền nhân đã qua một vòng *sinh ký tử quy* trong phát triển nghề đánh bắt cá.



Sông Hàn Đà Nẵng về đêm (VVH)